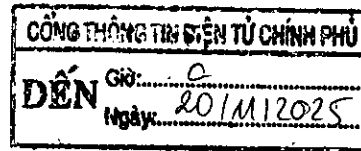


VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI
CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ CÔNG AN -
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Số: 07/2025/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-
BQP-BCA-BTC-BNN&MT



THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

AN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN BẢN
Giờ: 08h Ngày: 20/11/2025
Tích chuyển: TTTT

Quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội
và ngoài Quân đội trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm,
khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ
sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật
số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã
được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân
tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tài
chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường liên tịch ban hành quy định về
phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội và ngoài Quân đội
trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố,
xét xử vụ án hình sự.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về phối hợp giữa các cơ quan, người có
thẩm quyền trong Quân đội và ngoài Quân đội trong việc thực hiện một số quy
định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm,
khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội và ngoài Quân đội, gồm:

a) Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân
đội nhân dân, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra
Viện kiểm sát quân sự trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan điều tra);

b) Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp (sau
đây gọi chung là Viện kiểm sát);

c) Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án quân sự các cấp (sau đây gọi chung là Tòa án);

- d) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;
- đ) Công an xã, phường, đặc khu, Đồn Công an.

2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm tính khách quan, toàn diện, đúng thời hạn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

3. Tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác theo quy định của pháp luật và quy định của mỗi cơ quan. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm

1. Cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội hoặc ngoài Quân đội có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển nguồn tin về tội phạm cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp có căn cứ xác định nguồn tin về tội phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có căn cứ xác định, cơ quan đã tiếp nhận nguồn tin về tội phạm phải chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền; trường hợp không thể chuyển ngay vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 1 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 của Thông tư liên tịch này thì phải thông báo ngay qua điện thoại hoặc hình thức liên lạc khác nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

3. Trường hợp phát hiện, tiếp nhận nguồn tin về tội phạm trên tàu bay, tàu biển thì trong thời hạn 03 ngày kể từ khi tàu bay đến sân bay, tàu biển cập cảng đầu tiên, cơ quan, người đã phát hiện, tiếp nhận nguồn tin phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

4. Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp thống nhất về thời gian, địa điểm chuyển giao người vi phạm, hồ sơ, tài liệu, đồ vật, tài sản, phương tiện liên quan đến nguồn tin về tội phạm; trường hợp không thống nhất được địa điểm thì việc chuyển giao được tiến hành tại cơ quan tiếp nhận, giải quyết ban đầu. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết ban đầu có trách nhiệm thu thập đầy đủ tài liệu, thống kê hồ sơ, đồ vật, tài sản, phương tiện có liên quan bàn giao cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Sau khi bàn giao, cơ quan tiếp nhận, giải quyết ban đầu tiếp tục có

trách nhiệm phối hợp với Cơ quan điều tra có thẩm quyền khi có yêu cầu, đề nghị. Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết ban đầu có trách nhiệm chuyển hồ sơ kiểm sát cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

Việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu phải được lập biên bản, thống kê tài liệu và đóng dấu bút lục theo quy định.

5. Chi phí tố tụng trong giai đoạn thụ lý, giải quyết ban đầu nguồn tin về tội phạm do cơ quan tiếp nhận, giải quyết ban đầu có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thông báo việc chuyển giao và kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết, cơ quan tiếp nhận, giải quyết ban đầu nguồn tin về tội phạm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết cho cơ quan đã tiếp nhận, giải quyết ban đầu nguồn tin về tội phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trường hợp Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 145 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát có trách nhiệm thông báo.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết cho Viện kiểm sát đã thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết ban đầu nguồn tin về tội phạm.

Điều 6. Phối hợp giải quyết nguồn tin về tội phạm đã có căn cứ xác định thẩm quyền

Trường hợp có căn cứ xác định nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra trong Quân đội hoặc của Cơ quan điều tra ngoài Quân đội thì xử lý như sau:

1. Cơ quan điều tra nào phát hiện, tiếp nhận nguồn tin về tội phạm trước thì phải thông báo ngay qua điện thoại hoặc bằng hình thức liên lạc khác nhanh nhất cho Cơ quan điều tra trong Quân đội hoặc ngoài Quân đội có thẩm quyền để giải quyết. Cơ quan điều tra thụ lý, giải quyết có trách nhiệm thông báo cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

2. Trường hợp Cơ quan điều tra có thẩm quyền chưa kịp tiếp nhận, nhưng cần phải tiến hành ngay các hoạt động kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật để thu thập tài liệu, dấu vết, vật chứng, truy xét đối tượng, xác minh tung tích nạn nhân thì Cơ quan điều tra phát hiện, tiếp nhận phải chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát có thẩm quyền tiến hành ngay các hoạt động kiểm tra, xác minh ban đầu.

Cơ quan điều tra phát hiện, tiếp nhận giải quyết phải nhanh chóng tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh, hoàn thiện hồ sơ ban đầu và bàn giao ngay người vi phạm, hồ sơ, tài liệu, đồ vật, tài sản, phương tiện có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phối hợp giải quyết nguồn tin về tội phạm chưa xác định rõ thẩm quyền

1. Trường hợp Cơ quan điều tra trong Quân đội hoặc Cơ quan điều tra ngoài Quân đội phát hiện, tiếp nhận nguồn tin về tội phạm là các vụ việc xảy ra tại các khu vực giáp ranh mốc giới, địa giới với khu quân sự do Quân đội quản lý, bảo vệ hoặc xảy ra ngoài khu quân sự nhưng có thông tin liên quan đến quân đội; vụ việc chưa rõ người phạm tội, người bị hại có phải là người do Quân đội quản lý hoặc hành vi của người phạm tội có liên quan bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho Quân đội hay không, thì Cơ quan điều tra đã phát hiện, tiếp nhận phải chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát có thẩm quyền phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm, tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh ban đầu, trường hợp cần phối hợp với Cơ quan điều tra khác trên địa bàn thì thông báo ngay cho Cơ quan đó để phối hợp giải quyết, xác định thẩm quyền. Khi có căn cứ xác định vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải nhanh chóng tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh, hoàn thiện hồ sơ ban đầu, bàn giao ngay người vi phạm, hồ sơ, tài liệu, đồ vật, tài sản, phương tiện có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết.

2. Trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giữa Cơ quan điều tra trong Quân đội và Cơ quan điều tra ngoài Quân đội thì Cơ quan điều tra tiếp nhận, giải quyết ban đầu trao đổi ngay với Viện kiểm sát có thẩm quyền và Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có liên quan để thống nhất biện pháp giải quyết; nếu không thống nhất được, thì Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm có văn bản báo cáo, đề nghị Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 8. Giải quyết vụ việc vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa có liên quan đến người, phương tiện, tài sản của Quân đội

1. Các vụ việc vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa do lực lượng Cảnh sát giao thông tiếp nhận, giải quyết có thông tin liên quan đến người, phương tiện, tài sản của Quân đội thì lực lượng Cảnh sát giao thông tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh, giải quyết theo quy định; đồng thời thông báo ngay qua điện thoại hoặc bằng hình thức liên lạc khác nhanh nhất cho Cơ quan điều tra trong Quân đội có thẩm quyền và Cơ quan điều tra trong Quân đội trên địa bàn có trụ sở gần nhất để kịp thời phối hợp giải quyết.

2. Trường hợp xác định được ngay vụ việc không có dấu hiệu tội phạm thì lực lượng Cảnh sát giao thông xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lực lượng Cảnh sát giao thông kết thúc việc

xử lý, giải quyết phải thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý, giải quyết cho cơ quan, đơn vị quản lý người, phương tiện, tài sản của Quân đội để biết.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có căn cứ xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra trong Quân đội thì lực lượng Cảnh sát giao thông, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiếp nhận, giải quyết ban đầu bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, đồ vật, tài sản, phương tiện có liên quan đến vụ việc cho Cơ quan điều tra trong Quân đội để giải quyết. Sau khi bàn giao, lực lượng Cảnh sát giao thông, Cơ quan Cảnh sát điều tra có trách nhiệm tiếp tục phối hợp với Cơ quan điều tra trong Quân đội khi có đề nghị hoặc yêu cầu phối hợp. Sau khi tiếp nhận vụ việc thuộc thẩm quyền, Cơ quan điều tra trong Quân đội tiến hành giải quyết và trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc việc giải quyết phải thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết cho lực lượng Cảnh sát giao thông, Cơ quan Cảnh sát điều tra để tổng hợp, thống kê theo quy định.

Điều 9. Phối hợp trực tiếp kiểm sát việc phát hiện, tiếp nhận, chuyển giao nguồn tin về tội phạm của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển

1. Viện kiểm sát quân sự khu vực trực thuộc các Viện kiểm sát quân sự quân khu chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực trực tiếp kiểm sát việc phát hiện, tiếp nhận, chuyển giao nguồn tin về tội phạm của Biên phòng Cửa khẩu cảng, Đoàn biên phòng thuộc Bộ đội biên phòng; Hải đoàn, Hải đội và Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển đóng quân trên địa bàn.

2. Viện kiểm sát quân sự quân khu chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trực tiếp kiểm sát việc phát hiện, tiếp nhận, chuyển giao nguồn tin về tội phạm của Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng; Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển; Đoàn Trinh sát và Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy của lực lượng Cảnh sát biển đóng quân trên địa bàn.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương quyết định phân công thực hiện trực tiếp kiểm sát việc phát hiện, tiếp nhận, chuyển giao nguồn tin về tội phạm của Cục Trinh sát; Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm; Đoàn Trinh sát và Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm của Bộ đội biên phòng; Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển; Cục Nghiệp vụ và Pháp luật Cảnh sát biển.

4. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành trực tiếp kiểm sát, Viện kiểm sát quân sự phải gửi quyết định, kế hoạch trực tiếp kiểm sát, văn bản đề nghị cung cấp thông tin, số liệu kèm theo đề cương báo cáo đến cơ quan được kiểm sát. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, kế hoạch, văn bản đề nghị, cơ quan được kiểm sát phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Viện kiểm sát quân sự.

5. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc việc trực tiếp kiểm sát, Viện kiểm sát quân sự phải gửi kết luận trực tiếp kiểm sát đến cơ quan được kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân đã phối hợp và Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ quan được kiểm sát nhận được kết luận trực tiếp kiểm sát, nếu không đồng ý với nội dung kết luận hoặc có ý

kiến khác, cơ quan được kiểm sát có quyền kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp Viện kiểm sát giữ nguyên kết luận, cơ quan được kiểm sát có quyền kiến nghị bằng văn bản với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp để xem xét, giải quyết. Quyết định của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là quyết định có hiệu lực pháp luật.

6. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát quân sự trong việc cung cấp thông tin, số liệu về kiểm sát việc phát hiện, tiếp nhận, chuyển giao nguồn tin về tội phạm của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển do mình thực hiện theo đề nghị của Viện kiểm sát quân sự trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

7. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc phát hiện, tiếp nhận, chuyển giao nguồn tin về tội phạm của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển thì Viện kiểm sát quân sự, Viện kiểm sát nhân dân phối hợp trực tiếp kiểm sát đột xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Phối hợp trong trường hợp giải quyết vụ việc, vụ án phát hiện có dấu hiệu tội phạm xảy ra trong hoạt động tư pháp

1. Cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội hoặc ngoài Quân đội giải quyết vụ việc, vụ án nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện, phải thông báo ngay qua điện thoại hoặc bằng hình thức liên lạc khác nhanh nhất cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương để giải quyết theo thẩm quyền; đồng thời phải chuyển hồ sơ, tài liệu (bản chính hoặc bản sao y) kèm đồ vật, tài sản có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để kịp thời xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày phát hiện. Cơ quan đã phát hiện, cung cấp thông tin vi phạm, tội phạm có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương giải quyết vụ việc, vụ án khi có yêu cầu.

2. Trường hợp vụ việc, vụ án có dấu hiệu tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp vừa thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, vừa thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương thì thẩm quyền giải quyết vụ việc, vụ án do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định.

Điều 11. Phối hợp ủy thác điều tra, tách, chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền

1. Cơ quan điều tra trong Quân đội và ngoài Quân đội tiến hành điều tra vụ án khi cần thiết phải ủy thác điều tra thì thực hiện theo quy định tại Điều 171 của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trước khi ra quyết định ủy thác điều tra, Cơ quan điều tra ủy thác trao đổi với Cơ quan điều tra được ủy thác để thống nhất về nội dung, thời hạn thực hiện việc ủy thác điều tra.

2. Trường hợp Cơ quan điều tra ngoài Quân đội khi đang tiến hành điều tra vụ án phát hiện vụ án đó có liên quan đến người do Quân đội quản lý, bí mật

quân sự hoặc gây thiệt hại cho Quân đội thì phải kịp thời kiểm tra, xác minh, đồng thời thông báo ngay qua điện thoại hoặc bằng hình thức liên lạc khác nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong Quân đội để phối hợp kiểm tra, xác minh. Khi có căn cứ xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra trong Quân đội thì phải chuyển ngay vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong Quân đội nếu không thể tách được vụ án.

Trường hợp có thể tách được vụ án thì Cơ quan điều tra ngoài Quân đội thực hiện thủ tục tách vụ án và chuyển cho Cơ quan điều tra trong Quân đội để điều tra theo thẩm quyền.

3. Trường hợp Cơ quan điều tra ngoài Quân đội đã ra quyết định khởi tố bị can sau đó mới có căn cứ xác định bị can là người do Quân đội quản lý thì xử lý như sau:

a) Trường hợp vụ án có một bị can hoặc không thể tách được vụ án thì phải chuyển ngay vụ án, bị can cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong Quân đội;

b) Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà có thể tách được vụ án thì Cơ quan điều tra ngoài Quân đội thực hiện thủ tục tách vụ án và chuyển vụ án, bị can cho Cơ quan điều tra trong Quân đội để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận bị can trong trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong Quân đội tiếp tục áp dụng các lệnh, quyết định tố tụng đối với bị can do các cơ quan tiến hành tố tụng ngoài Quân đội ban hành; trường hợp thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can thì thực hiện theo quy định tại Điều 156, Điều 180 của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp chuyển vụ án giữa Cơ quan điều tra trong Quân đội và ngoài Quân đội thì trước khi chuyển vụ án Cơ quan điều tra đang điều tra trao đổi với Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án để có văn bản đề nghị Viện kiểm sát có thẩm quyền ra quyết định chuyển vụ án. Khi nhận được văn bản đề nghị ra quyết định chuyển vụ án, Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định chuyển vụ án có văn bản thông báo cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền tiếp nhận giải quyết.

Thủ tục chuyển vụ án thực hiện theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Sau khi bàn giao vụ án, Cơ quan điều tra đã chuyển vụ án có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan điều tra có thẩm quyền đã tiếp nhận vụ án khi có yêu cầu hoặc đề nghị phối hợp.

Điều 12. Phối hợp trong các trường hợp bắt, khám xét, tạm giữ, tạm giam, áp giải, dẫn giải và các hoạt động tố tụng khác

1. Cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội và ngoài Quân đội bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc bắt người đang bị truy nã, áp giải, dẫn giải, khám xét, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản thực hiện theo quy định tại các điều 110, 111, 112, 114, 115, 116, 127, 128, 129, 194

và 195 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Khi thực hiện lệnh bắt, khám xét, áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản hoặc các hoạt động tố tụng khác nếu cần sự phối hợp của Cơ quan điều tra hoặc các đơn vị Quân đội, Công an và tổ chức, cá nhân có liên quan thì cơ quan đang giải quyết vụ án phải đề nghị và thống nhất với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân về nội dung, biện pháp phối hợp. Khi nhận được đề nghị, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được đề nghị có trách nhiệm phối hợp, bảo đảm an toàn, hiệu quả.

2. Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc bắt người đang bị truy nã và đã ra quyết định tạm giữ theo quy định của pháp luật thì người bị tạm giữ được đưa vào cơ sở giam giữ của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân nơi gần nhất.

3. Cơ quan điều tra và các cơ quan, đơn vị liên quan của Quân đội và Công an phải phối hợp chặt chẽ trong thực hiện việc bắt bị can, bị cáo theo quyết định truy nã. Trường hợp Cơ quan điều tra trong Quân đội ra quyết định truy nã bị can, bị cáo, thì phải trực tiếp làm việc với cơ quan chức năng của Công an và với Viện kiểm sát theo quy định để có biện pháp truy nã, bắt giữ đối tượng. Khi đối tượng truy nã bị bắt giữ, cơ quan Công an thông báo, làm thủ tục bàn giao người bị bắt để Cơ quan điều tra đã quyết định truy nã ra quyết định đình nã và tiếp tục giải quyết vụ án.

Định kỳ hằng tháng, 06 tháng, 01 năm, các Cơ quan điều tra trong Quân đội thông báo số lượng đối tượng có quyết định truy nã chưa bắt được và đã đình nã cho Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng để tổng hợp, thông báo cho Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (cơ quan chuyên trách về truy bắt đối tượng truy nã) biết và thực hiện thống kê hình sự.

4. Cơ sở giam giữ của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân phải phối hợp và tạo điều kiện trong việc gửi, nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam; cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ trong Quân đội và ngoài Quân đội có trách nhiệm phối hợp quản lý, trích xuất, điều chuyển, giải quyết cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc tra cứu thông tin bưu chính, viễn thông, thuế; sao kê tài liệu liên quan thuế, phí, lệ phí; phong tỏa, sao kê tài khoản, truy xuất lịch sử giao dịch; sao hồ sơ bệnh án, điều tra, xác minh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và thu thập các thông tin khác liên quan vụ việc, vụ án

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án, nếu cần phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để sao hồ sơ bệnh án, tiếp xúc với người làm chứng, bị hại, người có liên quan đang được cấp cứu, điều trị thì cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội và ngoài Quân đội phải liên hệ với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, có giấy giới thiệu và văn bản đề nghị phối hợp được người có thẩm quyền phê duyệt, nêu rõ nội dung cần phối hợp, thời hạn cung cấp thông tin, trả lời kết quả.

2. Trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án, nếu cần phối hợp để tra cứu hoặc đề nghị cung cấp thông tin thuê bao, thông tin liên quan đến dịch vụ bưu chính, dịch vụ mạng viễn thông tại cơ quan bưu chính, viễn thông thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc sao kê tài liệu liên quan thuế, phí, lệ phí, phong tỏa tài khoản, sao kê tài khoản và truy xuất lịch sử giao dịch tại cơ quan thuế, tổ chức tín dụng thuộc Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng hoặc thu thập thông tin khác liên quan giải quyết vụ việc, vụ án thì cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội và ngoài Quân đội liên hệ và có giấy giới thiệu, văn bản đề nghị phối hợp được người có thẩm quyền phê duyệt, kèm một trong các văn bản tố tụng (bản chính hoặc bản sao y): Quyết định phân công người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (nếu có).

3. Các cơ quan được đề nghị nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm phối hợp theo nội dung, thời hạn ghi trong văn bản đề nghị, bảo đảm việc giải quyết vụ việc, vụ án kịp thời, hiệu quả. Trường hợp không cung cấp được thông tin hoặc thông tin không đáp ứng được đầy đủ các nội dung theo đề nghị thì cơ quan được đề nghị phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Điều 14. Phối hợp trong giai đoạn truy tố

1. Trong giai đoạn truy tố, nếu Viện kiểm sát phát hiện có dấu hiệu tội phạm hoặc người phạm tội mới nhưng không liên quan đến vụ án đang giải quyết mà thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra trong Quân đội hoặc ngoài Quân đội, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có căn cứ xác định, Viện kiểm sát ban hành văn bản yêu cầu, gửi kèm hồ sơ, tài liệu (bản chính hoặc bản sao y), đồ vật, tài sản có liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

2. Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát trong hoặc ngoài Quân đội xác định vụ án không thuộc thẩm quyền truy tố của mình thì thực hiện chuyển vụ án theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trước khi ban hành quyết định chuyển vụ án, Viện kiểm sát trao đổi, thống nhất bằng văn bản với Viện kiểm sát có thẩm quyền. Trường hợp có vướng mắc, tranh chấp về thẩm quyền giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đang giải quyết vụ án chủ động tổ chức họp với Viện kiểm sát có liên quan trao đổi, thống nhất thẩm quyền; nếu không thống nhất được thì cùng báo cáo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

3. Các trường hợp chuyển vụ án giữa Viện kiểm sát quân sự và Viện kiểm sát nhân dân để truy tố theo thẩm quyền, trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc giải quyết vụ án trong giai đoạn truy tố thì Viện kiểm sát nhận vụ án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết vụ án trong giai đoạn truy tố cho Viện kiểm sát đã chuyển vụ án.

Điều 15. Phối hợp trong giai đoạn xét xử

1. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, nếu Tòa án phát hiện có dấu hiệu tội phạm hoặc người phạm tội mới nhưng không liên quan đến vụ án mà Tòa án đang giải quyết thì Tòa án có văn bản kiến nghị và gửi kèm theo chứng cứ, tài liệu

(bản chính hoặc bản sao y), đồ vật, tài sản có liên quan đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền trong Quân đội hoặc ngoài Quân đội để xem xét, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp tại phiên tòa xét xử vụ án, Hội đồng xét xử phát hiện có dấu hiệu tội phạm hoặc người phạm tội mới, nhưng không liên quan đến vụ án đang xét xử thì Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa kiến nghị bằng văn bản và gửi kèm theo chứng cứ, tài liệu (bản chính hoặc bản sao y), đồ vật, tài sản có liên quan cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền trong Quân đội hoặc ngoài Quân đội để xem xét, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, trường hợp Tòa án trong Quân đội hoặc ngoài Quân đội có căn cứ xác định vụ án không thuộc thẩm quyền xét xử của mình mà thuộc thẩm quyền của Tòa án khác thì Tòa án đang giải quyết vụ án có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát đã truy tố để chuyển lại hồ sơ vụ án giải quyết theo thẩm quyền. Việc chuyển vụ án được thực hiện theo quy định tại Điều 274 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Đối với vụ án phức tạp, có vướng mắc, tranh chấp liên quan đến thẩm quyền xét xử giữa Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự thì phối hợp giải quyết theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Phối hợp giữa Viện kiểm sát, Tòa án với cơ quan, đơn vị chức năng của Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân các cấp trong giai đoạn truy tố, xét xử

Trong giai đoạn truy tố, xét xử, khi Viện kiểm sát, Tòa án cần phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng của Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, xác minh sự có mặt của những người này tại địa phương (hoặc tại đơn vị đóng quân), dẫn giải, áp giải hoặc các vấn đề, nội dung khác phục vụ cho việc giải quyết vụ án thì Viện kiểm sát, Tòa án liên hệ, có giấy giới thiệu, kèm theo công văn gửi cơ quan Công an, đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn, Ủy ban nhân dân đề nghị phối hợp; các cơ quan, đơn vị được đề nghị có trách nhiệm phối hợp bảo đảm thực hiện các hoạt động tố tụng an toàn, hiệu quả. Chi phí phát sinh ngoài chi phí tố tụng trong quá trình phối hợp do Viện kiểm sát, Tòa án có yêu cầu phối hợp bảo đảm hoặc do các bên thống nhất.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2025, thay thế Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BQP-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về quan hệ phối hợp trong một số hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong Quân đội và ngoài Quân đội.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong phạm vi quản lý nhà nước của các bộ, ngành có trách nhiệm quán triệt, triển khai thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh hoặc cần hướng dẫn, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời xem xét, giải quyết. *[Signature]*

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

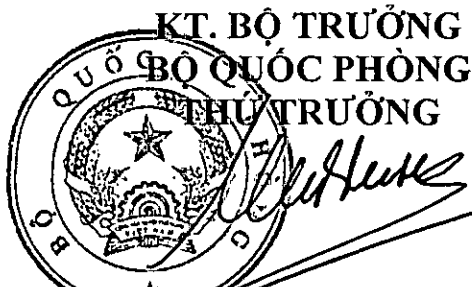


Dương Văn Thăng

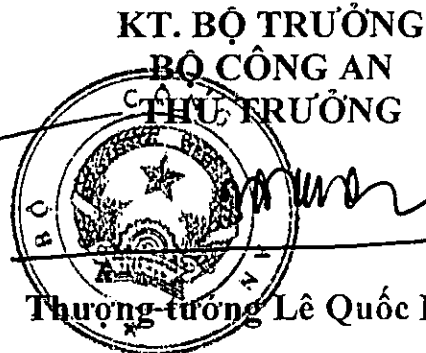
**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



★ Hồ Đức Anh



Thượng tướng Võ Minh Lương



Thượng tướng Lê Quốc Hùng

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Văn Hưng



Nguyễn Đức Chi

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Nội chính Trung ương (để báo cáo);
- VKSND tối cao, TAND tối cao (để thực hiện);
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài chính, NN&MT (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử các bộ, ngành: VKSTC, TATC, BQP, BCA, BTC, BNN&MT;
- Lưu: VT, VKSNDTC, VKSQSTW. *[Signature]*